

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
BẢNG HAI/LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP/CAO ĐẲNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình:

Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

Tiếng Anh: English Linguistics

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Hình thức đào tạo: Chính quy và Vừa làm vừa học

4. Tổng khối lượng kiến thức: 65 Tín chỉ

5. Thời gian đào tạo: 1,5 năm

6. Khoa/viện đào tạo: Ngoại ngữ

7. Quyết định ban hành: /QĐ-ĐHNT, ngày tháng năm

II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ BỔ SUNG KIẾN THỨC

1. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, trái ngành

TT.	Ngành đào tạo	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Thâm niên công tác (năm)
1	Ngành đúng/phù hợp	Có/không?	
	Sv đã Tốt nghiệp Cao đẳng ngành Tiếng Anh	không	không
2	Ngành gần		
	Không có	không	không
3	Ngành khác/trái ngành		
	Sv đã Tốt nghiệp các ngành khác (không phải ngành tiếng Anh)	có	không

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức:

Sv trái ngành nếu đăng kí học liên thông CT Ngôn ngữ Anh cần đạt CC quốc tế theo bảng qui đổi sau hoặc CC B2 của trường ĐH Nha Trang

CEFR	IELTS	TOEFL Paper	TOEFL IBT	TOEIC	Khung NLNN 6 bậc
B2	5.5-6.0	513-547	65-78	605 - 780	4

Nếu sv chưa có các CC tiếng Anh, cần học các HP bổ sung kiến thức sau:

TT.	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú
1	FLS333	Nghe	3	
2	FLS350	Nói	3	

3	FLS340	Đọc	3	
4	FLS353	Viết	3	
5	FLS366	Ngữ pháp	3	
	Tổng		15TC	

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

UC
 TR
 ĐA
 NH

KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	65		Lý thuyết		Thực hành	
I		Kiến thức cơ sở	22			
I.1	Các học phần bắt buộc	22				
1	Ngữ âm	2				
2	Từ vựng	2				
3	Nghe	4				
4	Nói	4				
5	Đọc	4				
6	Viết	4				
7	Ngoại khóa Tiếng Anh	2				
I.2	Các học phần tự chọn	0				
II	Kiến thức ngành	43				
II.1	Các học phần bắt buộc	13				
8	Văn học Anh	2				
9	Văn học Mỹ	2				
10	Văn hóa Anh	2				
11	Văn hóa Mỹ	2				
12	Thực tập tốt nghiệp	5				
II. 2	Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 nhóm ngành: Biên phiên dịch, Tiếng Anh Du lịch, Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh)	30				
II.2.1	Nhóm ngành Biên-phiên dịch	30				
13	Lý thuyết dịch	2				
14	Tiếng Anh thương mại và văn phòng	2				
15	Biên dịch 1	4				
16	Phiên dịch 1	4				
17	Biên dịch 2	4				
18	Phiên dịch 2	4				
19	Biên dịch chuyên ngành	2				
20	Phiên dịch chuyên ngành	3				
21	Ngoại khóa biên dịch	3				
22	Ngoại khóa phiên dịch	2				
II2.2	Nhóm ngành Tiếng Anh du lịch	30				
23	Tiếng Anh du lịch 1	3				
24	Tiếng Anh du lịch 2	3				
25	Tiếng Anh sử dụng trong tiếp thị tuyển điểm	3				
26	Tiếng Anh sử dụng trong quan hệ đồng nghiệp và khách hàng	3				
27	Tiếng Anh sử dụng trong nghiệp vụ	3				

	hướng dẫn du lịch					
28	Tiếng Anh sử dụng trong dịch vụ ăn uống	2				
29	Tiếng Anh sử dụng trong đặt trả phòng và các dịch vụ du lịch	3				
30	Tiếng Anh sử dụng trong Quản trị nhà hàng khách sạn và khu resort	2				
31	Tiếng Anh sử dụng trong Quản trị lữ hành	2				
32	Tiếng Anh sử dụng trong Quy hoạch du lịch	3				
33	Tiếng Anh sử dụng trong Du lịch bền vững	3				
II2.3	Nhóm ngành Phương pháp giảng dạy	30				
34	Phương pháp giảng dạy Ngữ pháp	2				
35	Phương pháp giảng dạy Ngữ âm	2				
36	Phương pháp giảng dạy Nghe – Nói	3				
37	Phương pháp giảng dạy Đọc – Viết	3				
38	Sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy tiếng Anh	2				
39	Công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh	2				
40	Kiểm tra đánh giá tiếng Anh	2				
41	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	2				
42	Xây dựng CT & ĐCCTHP	2				
43	Thực tập giảng dạy ngữ âm	2				
44	Thực tập giảng dạy ngữ pháp	2				
45	Thực tập giảng dạy Nghe – Nói	2				
46	Thực tập giảng dạy Đọc – Viết	2				
47	Giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành	2				
Số tín chỉ bắt buộc (i)	35					
Số tín chỉ tự chọn (ii)		30				
Tổng số tín chỉ (i+ii)		65				

IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO HỌC KỲ

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Học phần bắt buộc		24
	FLS3501	Nghe (Listening)	4
	FLS3502	Nói (Speaking)	4
	FLS3503	Đọc (Reading)	4
	FLS3504	Viết (Writing)	4
	FLS3505	Từ vựng (Vocabulary)	2
	FLS3506	Ngữ âm (English Pronunciation Practice)	2
	TRI321	Văn hóa Anh (British culture)	2
	TRI322	Văn hóa Mỹ (American Culture)	2

2	Học phần bắt buộc		6
	FLS336	Ngoại khóa Tiếng Anh (English Practicum)	2
	TRI323	Văn học Anh (British Literature)	2
	TRI324	Văn học Mỹ (American Literature)	2
	Học phần tự chọn		
	Nhóm 1 (Biên phiên dịch Thương mại)		17
	FLS345	Lý thuyết dịch (Theory of Translation)	2
	FLS3507	Tiếng Anh thương mại và văn phòng (English for Business & Secretaries)	2
	TRI325	Biên dịch 1 (Translation 1)	4
	TRI326	Phiên dịch 1 (Interperetation 1)	4
	TRI327	Biên dịch chuyên ngành (Specialized Translation in Practice)	2
	TRI328	Phiên dịch chuyên ngành (Specialized Interpretation in Practice)	3
	Nhóm 2 (Tiếng Anh Du lịch)		14
	ENT350	Tiếng Anh du lịch 1 (English for Tourism 1)	3
	ENT351	Tiếng Anh sử dụng trong Tiếp thị tuyển điểm (English for Destination marketing)	3
	ENT352	Tiếng Anh sử dụng trong quan hệ đồng nghiệp và khách hàng (English for working with colleagues and customers)	3
	ENT353	Tiếng Anh sử dụng trong Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (English for Tour guiding skill)	3
	ENT354	Tiếng Anh sử dụng trong Dịch vụ ăn uống (English for Food and beverage service)	2
	Nhóm 3 (Phương pháp giảng dạy)		16
	ENT355	Phương pháp giảng dạy Ngữ âm (Pronunciation Teaching Method)	2
	ENT356	Phương pháp giảng dạy Ngữ pháp (Grammar Teaching Method)	2
	ENT357	Phương pháp giảng dạy Nghe – Nói (Listening-Speaking	3

		Teaching Method)	
	ENT358	Phương pháp giảng dạy Đọc-Viết (Reading-Writing Teaching Method)	3
	ENT359	Sử dụng Tiếng Anh trong giảng dạy Tiếng Anh (English for Teachers in the Classroom)	2
	ENT360	Sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh (Using Technology in English Teaching)	2
	ENT361	Kiểm tra đánh giá tiếng Anh (Testing & Assessment)	2
3	Học phần bắt buộc		5
	TRI262	Thực tập tốt nghiệp	5
	Học phần tự chọn		
	Nhóm 1 (Biên phiên dịch thương mại)		13
	TRI363	Biên dịch 2 (Translation 2)	4
	TRI364	Phiên dịch 2 (Interpretation 2)	4
	TRI365	Ngoại khóa biên dịch (Translation Practicum)	3
	TRI366	Ngoại khóa phiên dịch (Interpretation Practicum)	2
	Nhóm 2 (Tiếng Anh du lịch)		16
	ENT362	Tiếng Anh du lịch 2 (English for Tourism 2)	3
	ENT363	Tiếng Anh sử dụng trong Đặt trả phòng và các dịch vụ kèm theo (English for Booking and coordinate supplier services)	3
	ENT364	Tiếng Anh sử dụng trong Quản trị nhà hàng khách sạn và khu resort(English for Hospitality Management)	2
	ENT365	Tiếng Anh sử dụng trong quản trị lữ hành (English for Travel Management)	2
	ENT366	Tiếng Anh sử dụng trong Quy hoạch du lịch (English for Tourism Planning)	3
	ENT367	Tiếng Anh sử dụng trong Du lịch bền vững (English for Sustainable Tourism)	3
	Nhóm 3 (Phương pháp giảng dạy)		14
	ENT368	Xây dựng CT & ĐCCTHP (Curriculum & Syllabus Design)	2
	ENT369	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu (Lessons Planning and Materials Development)	2
	ENT370	Thực tập giảng dạy Ngữ âm (Teacher Training in Pronunciation)	2
	ENT371	Thực tập giảng dạy Ngữ pháp (Teacher Training in Grammar)	2
	ENT372	Thực tập giảng dạy Nghe – Nói (Teacher Training in Listening – Speaking)	2
	ENT373	Thực tập giảng dạy Đọc – Viết (Teacher Training in Reading – Writing)	2
	ENT374	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (Teaching ESP)	2

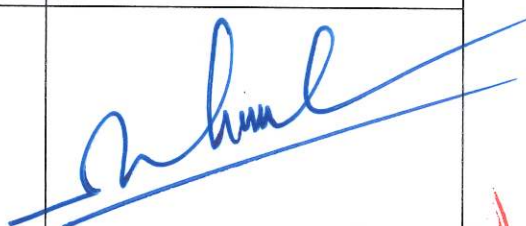
Thư ký Tổ cập nhật

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Trần Thị Thúy Quỳnh	Giảng viên, Thạc sỹ	

Tổ trưởng Tổ cập nhật

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Võ Nguyễn Hồng Lam	Giảng viên, Thạc sỹ	

Trưởng phòng Đào tạo ĐH

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Trần Doãn Hùng	Giảng viên, Tiến sĩ	

Người duyệt Chương trình

Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
Trang Sĩ Trung	Hiệu Trưởng	



Ngày duyệt: / / .